TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **52**/2024/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Vĩnh T, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: Số A, đường Nơ Trang L, tổ B, khu phố C, phường Rạch D, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tạm trú: Số E, tổ F, khu phố Chánh L, phường Chánh M, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Khóm G, Phường H, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Ấp K, xã Bình M, huyện Củ C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Vĩnh T và bà Trần Thị Hoàng A tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã (nay là thành phố) Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2008, quyển số 01, ngày 08/9/2008 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông T và bà A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay ông T và bà A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T và bà A vẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Lê Vĩnh T và bà Trần Thị Hoàng A có 02 con chung là cháu Lê Trường Anh K, sinh ngày 29/8/2010 và cháu Lê Trường Vĩnh

Kh, ngày sinh 21/12/2014. Ông T và bà A thỏa thuận thống nhất giao cháu Lê Trường Anh K, sinh ngày 29/8/2010 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Lê Trường Vĩnh Kh, ngày sinh 21/12/2014 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Vĩnh T và bà Trần Thị Hoàng A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Vĩnh T và bà Trần Thị Hoàng A thỏa thuận thống nhất như sau:

+ Giao con chung là cháu Lê Trường Anh K, sinh ngày 29/8/2010 cho bà Trần Thị Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Giao con chung là cháu Lê Trường Vĩnh Kh, ngày sinh 21/12/2014 cho ông Lê Vĩnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Vĩnh T và bà Trần Thị Hoàng A thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Lê Vĩnh T và bà Trần Thị Hoàng A mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số BLTU/23-0004340 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường A, thị xã (nay là thành phố) Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ VDS, VT.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Chung